

KNOWLEDGE AND PRACTICE ABOUT DIET OF PEOPLE WITH TYPE 2 DIABETES RECEIVING INPATIENT TREATMENT AT HOAI DUC GENERAL HOSPITAL IN 2024

Nguyen Thi Quynh¹, Bui Thi Cham^{2*}, Bui Thi Trang³, Ngo Thi Thuy², Than Thi Binh⁴

¹Trung Vuong University - 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong Dist, Hanoi City, Vietnam

²Phenikaa University - Nguyen Trac Street, Yen Nghia Ward, Ha Dong Dist, Hanoi City, Vietnam

³East Asia University of Technology - Trinh Van Bo Street, Xuan Phuong Ward, Nam Tu Liem Dist, Hanoi City, Vietnam

⁴Lang Son Medical College - 11 Hoang Van Thu, Chi Lang Ward, Lang Son City, Lang Son Province, Vietnam

Received: 22/05/2025

Revised: 11/06/2025; Accepted: 17/06/2025

ABSTRACT

Objective: Describe the current status of knowledge and practice about diet of type 2 diabetes patients treated as inpatients at Hoai Duc General Hospital and some related factors.

Research subjects and methods: A cross-sectional study was conducted with 115 people with type 2 diabetes treated as inpatients at Hoai Duc General Hospital who met sampling criteria during the period from September to November 2024.

Results: The proportion of patients with correct knowledge about the diet of people with diabetes accounted for 70.4%. The proportion of patients who successfully practice their diet is 59.1%. Dietary knowledge is related to dietary practices of people with type 2 diabetes ($p < 0.05$).

Conclusion: In general, knowledge and practice of diet for people with type 2 diabetes is not high. Therefore, hospitals need to strengthen health counseling and education for patients with type 2 diabetes to improve patients' knowledge and practice of diet.

Keywords: Knowledge, practice, type 2 diabetes, diet.

*Corresponding author

Email: cham.buithi@phenikaa-uni.edu.vn **Phone:** (+84) 967384266 **Http://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD10.2620**

Kiến thức, thực hành về chế độ ăn uống của người bệnh đái tháo đường type 2 điều trị nội trú tại Bệnh viện Đa khoa Hoài Đức năm 2024

Nguyễn Thị Quỳnh¹, Bùi Thị Châm^{2*}, Bùi Thị Trang³, Ngô Thị Thủy², Thân Thị Bình⁴

¹Trường Đại học Trưng Vương - 102 Trần Phú, P. Mộ Lao, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

²Trường Đại học Phenikaa - Phố Nguyễn Trác, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

³Trường Đại học Công nghệ Đông Á - Đường Trịnh Văn Bô, P. Xuân Phương, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội, Việt Nam

⁴Trường cao đẳng Y tế Lạng Sơn - 11 Hoàng Văn Thụ, P. Chi Lăng, Tp. Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

Received: 22/05/2025

Revised: 11/06/2025; Accepted: 17/06/2025

ABSTRACT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng kiến thức và thực hành về chế độ ăn uống của người bệnh đái tháo đường type 2 điều trị nội trú tại Bệnh viện Đa khoa Hoài Đức và một số yếu tố liên quan.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang được thực hiện với 115 người bệnh đái tháo đường type 2 điều trị nội trú tại Bệnh viện Đa khoa Hoài Đức đáp ứng tiêu chuẩn chọn mẫu trong thời gian từ tháng 9 đến tháng 11 năm 2024.

Kết quả: Tỷ lệ người bệnh có kiến thức đúng về chế độ ăn uống của người bệnh đái tháo đường chiếm 70,4%. Tỷ lệ người bệnh thực hành đạt về chế độ ăn uống chiếm 59,1%. Kiến thức về chế độ ăn uống có mối liên quan với thực hành về chế độ ăn uống của người bệnh đái tháo đường type 2 ($p < 0,05$).

Kết luận: Nhìn chung kiến thức và thực hành về chế độ ăn uống của người bệnh đái tháo đường type 2 còn chưa cao. Do đó bệnh viện cần tăng cường công tác tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh đái tháo đường type 2 để nâng cao kiến thức, thực hành về chế độ ăn uống của người bệnh.

Từ khóa: Kiến thức, thực hành, đái tháo đường type 2, chế độ ăn uống.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đái tháo đường (ĐTĐ) type 2 là một bệnh lý mạn tính đang gia tăng nhanh chóng trên toàn cầu, đặt gánh nặng lớn cho hệ thống y tế và ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe người dân. Theo Liên đoàn Đái tháo đường Thế giới (IDF) năm 2021 thế giới có khoảng 537 triệu người trưởng thành (20-79 tuổi) mắc bệnh ĐTĐ, trong đó ĐTĐ type 2 chiếm đến 90-95%. Dự kiến đến năm 2045, con số này sẽ tăng lên 783 triệu người [1]. Tại Việt Nam, số người mắc ĐTĐ năm 2019 có 3,8 triệu người trong độ tuổi 20 - 79, chiếm 6% dân số trưởng thành mắc đái tháo đường và dự kiến con số này sẽ tăng lên là 6.3 triệu người năm 2045 [2]. Sự gia tăng của ĐTĐ type 2 có liên quan đến một số yếu tố nguy cơ như tỷ lệ béo phì tăng, chế độ ăn uống không lành mạnh, trì trệ vận động,... Chế độ ăn uống đóng vai trò vô cùng quan trọng trong quản lý và điều trị ĐTĐ type 2. Một chế

độ ăn uống lành mạnh, khoa học và phù hợp giúp kiểm soát đường huyết hiệu quả, ngăn ngừa biến chứng và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người bệnh. Ngược lại, chế độ ăn uống không hợp lý có thể làm tăng đường huyết, dẫn đến các biến chứng nguy hiểm như bệnh tim mạch, đột quỵ, suy thận, mù lòa, hoại tử chi...

Nghiên cứu của Bùi Chí Anh Minh (2022) [3] cho thấy người bệnh có thói quen ăn uống chưa tốt có 28,31%, chia nhỏ bữa từ 4 bữa trở lên, 2,28% còn ăn ít hơn 3 bữa. Nghiên cứu của Lê Thị Phương và cộng sự (2023) [4] cho thấy tỷ lệ đạt kiến thức dinh dưỡng của người bệnh là 57,5% và tỷ lệ đạt về thực hành là 22,5%. Các kết quả này cho thấy kiến thức và thực hành về chế độ ăn uống của người bệnh đái tháo đường type 2 còn nhiều hạn chế và đang là vấn đề mang tính cấp thiết.

*Tác giả liên hệ

Email: cham.buithi@phenikaa-uni.edu.vn Điện thoại: (+84) 967384266 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD10.2620>

Bệnh viện Đa khoa Hoài Đức là một cơ sở y tế tuyến huyện, nơi tiếp nhận nhiều người bệnh nội trú, trong đó có số lượng đáng kể người bệnh đái tháo đường. Điều trị đái tháo đường ngoài chế độ thuốc thì cần phối hợp với chế độ ăn uống. Do đó, việc tư vấn chế độ ăn cho người bệnh của nhân viên y tế đặc biệt điều dưỡng có thời gian tiếp xúc với người bệnh nhiều nhất là việc rất quan trọng. Hiện tại, Bệnh viện chưa có nhiều đề tài nghiên cứu về đái tháo đường; một số đề tài được thực hiện chủ yếu là do bác sỹ và tập trung vào các vấn đề điều trị, quản lý đái tháo đường; chưa có nghiên cứu nào tìm hiểu về kiến thức và thực hành về chế độ ăn uống của người bệnh đái tháo đường type 2. Với mong muốn có thể đánh giá một cách tổng quát nhất kiến thức và thực hành về chế độ ăn uống cho người bệnh đái tháo đường type 2 chúng tôi tiến hành nghiên cứu: “*Thực trạng kiến thức và thực hành chế độ ăn của người bệnh đái tháo đường type 2 điều trị nội trú tại Bệnh viện đa khoa Hoài Đức năm 2024*” với mục tiêu:

Mô tả thực trạng kiến thức và thực hành về chế độ ăn uống của người bệnh đái tháo đường type 2 điều trị nội trú tại Bệnh viện Đa khoa Hoài Đức năm 2024 và một số yếu tố liên quan.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Người bệnh được chẩn đoán xác định đái tháo đường type 2 đang điều trị nội trú tại Khoa Nội, Bệnh viện Đa khoa Hoài Đức năm 2024.

2.1.1. Tiêu chuẩn lựa chọn

- Người bệnh được chẩn đoán xác định đái tháo đường type 2 đang điều trị nội trú tại Khoa Nội, Bệnh viện Đa khoa Hoài Đức trong thời gian từ 15 tháng 9 đến hết 30 tháng 10 năm 2024.

- Người bệnh có khả năng đọc hiểu được tiếng Việt và trả lời được cuộc phỏng vấn

- Người bệnh không có tiền sử rối loạn thần kinh hoặc tâm thần

- Người bệnh từ 18 tuổi trở lên.

2.1.2. Tiêu chuẩn loại trừ

- Người bệnh không đồng ý tham gia nghiên cứu.

2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

- Thời gian: Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 9 năm 2024 đến tháng 11 năm 2024.

- Địa điểm nghiên cứu: Khoa Nội, Bệnh viện Đa khoa Hoài Đức.

2.3. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu cắt ngang.

2.4. Mẫu và phương pháp chọn mẫu

Lấy toàn bộ người bệnh đái tháo đường đang điều trị nội trú tại Bệnh viện đa khoa Hoài Đức đồng ý tham gia nghiên cứu. Trong thời gian thu thập số liệu đã có 115 người bệnh đáp ứng tiêu chuẩn chọn mẫu và được mời tham gia nghiên cứu, những người bệnh này đều đồng ý tham gia.

Phương pháp chọn mẫu: Lấy mẫu toàn bộ.

2.5. Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu được thu thập bằng cách phỏng vấn trực tiếp người bệnh bằng bộ câu hỏi chuẩn bị trước.

2.6. Tiêu chuẩn đánh giá

* Đánh giá kiến thức chế độ ăn của người bệnh ĐTĐ: kiến thức chưa đúng khi đạt số điểm < 50% tổng số điểm (tương đương điểm đạt từ 16 điểm trở xuống). Kiến thức đúng khi đạt số điểm ≥ 50% tổng số điểm (tương đương điểm đạt từ 17 điểm trở lên).

* Đánh giá thực hành của người bệnh: Thực hành chưa đạt khi đạt số điểm < 50% tổng số điểm (tương đương với điểm đạt từ 9 điểm trở xuống). Thực hành đạt khi đạt số điểm ≥ 50% tổng số điểm (tương đương với điểm đạt từ 10 điểm trở lên).

2.7. Phương pháp phân tích số liệu

Sau khi thu thập số liệu được kiểm tra và làm sạch; sau đó được nhập và phân tích bằng phần mềm SPSS 18.0 mức ý nghĩa là $p \leq 0,05$. Phân tích được thực hiện để mô tả tần số, tỷ lệ đối với các biến định tính. Các biến định lượng được mô tả bằng giá trị trung bình, độ lệch chuẩn. Khi bình phương, tỉ suất chênh OR và khoảng tin cậy 95% để xác định yếu tố liên quan. Khi giá trị $p < 0,05$ đánh giá có mối liên quan và có ý nghĩa thống kê.

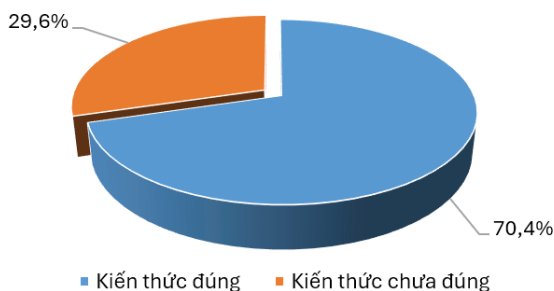
3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Thực trạng kiến thức về chế độ ăn uống của ĐTNC (n = 115)

Nội dung	Trả lời đúng của NB	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Chế độ ăn đúng giúp ổn định lượng đường và mỡ trong máu	100	87,0%
Sử dụng rau xanh trong bữa ăn	92	80,0
Không nên ăn nhiều quả ngọt	91	79,1
Không nên ăn các món ăn từ nội tạng động vật	100	87,0

Nội dung	Trả lời đúng của NB	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Sử dụng mỡ động vật	97	84,3
Hạn chế uống nước ngọt có ga	100	87,0
Hạn chế uống nước đường, nước mía	91	79,1
Hạn chế uống rượu bia	61	53,0
Hạn chế uống nước hoa quả ép	50	43,5
Không nên bỏ bữa sáng	96	83,5
Cách chế biến thức ăn dưới dạng luộc, nấu chín	100	87,0
Lựa chọn loại thực phẩm làm tăng đường huyết nhanh	100	87,0
Số lượng bữa ăn chính/ phụ/ ngày	10	8,7

Nhận xét: Nhìn chung người bệnh có thực hành tốt về một số nội dung cơ bản như ăn nhiều rau xanh (80,0%), trái cây ít ngọt (79,1%), hạn chế đồ ngọt, nước ngọt (87,0%), hạn chế rượu bia (53%), chế biến thức ăn nấu chín (87,0%), lựa chọn thực phẩm tăng đường huyết nhanh (87,0%). Tuy nhiên số lượng người bệnh uống nước hoa quả ép (43,5%) và ăn đủ các bữa trong ngày (8,7%) vẫn còn hạn chế.



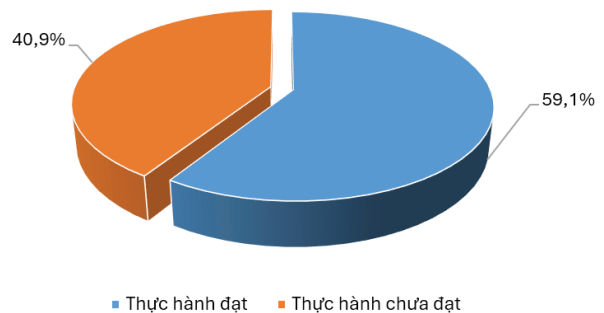
Biểu đồ 1. Phân loại kiến thức về chế độ ăn uống của người bệnh đái tháo đường (n = 115)

Nhận xét: Kết quả của biểu đồ cho thấy có 81 người bệnh (70,4%) có kiến thức đúng, 34 người bệnh (29,6%) có kiến thức chưa đúng về chế độ ăn uống của người bệnh đái tháo đường.

Bảng 2. Thực trạng thực hành về hạn chế sử dụng đồ uống và loại thực phẩm có glucid trong bữa ăn (n = 115)

Nội dung	Trả lời đúng của NB	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Hạn chế sử dụng loại thực phẩm có glucid trong bữa ăn		
Gạo, mì sợi, bún	84	73,0
Bánh mì các loại	82	71,3
Bí ngô, khoai tây	60	52,2
Ngô	41	35,7
Hạn chế sử dụng đồ uống		
Rượu/bia	71	61,7
Nước ngọt có ga	78	67,8
Nước đường, nước mía...	68	59,1

Nhận xét: Tỷ lệ người bệnh hạn chế sử dụng các loại gạo, mì sợi bún (73,0%), bánh mì các loại (71,3%). Hạn chế uống nước ngọt có ga (67,8%), rượu bia (61,7%), nước mía (59,1%). Nhìn chung người bệnh có sự hiểu biết và hạn chế các thực phẩm gây nguy cơ mắc bệnh.



Biểu đồ 2. Phân loại thực hành về chế độ ăn uống của người bệnh ĐTD (n = 115)

Nhận xét: Tỷ lệ người bệnh thực hành đạt về chế độ ăn uống có 68 người (59,1%); người bệnh chưa đạt về chế độ ăn uống là 47 người (40,9%).

Bảng 3. Mối liên quan giữa đặc điểm chung của ĐTNC với kiến thức về chế độ ăn uống (n = 115)

Nội dung	Kiến thức về chế độ ăn uống					OR (95% CI)	p
	Đúng		Chưa đúng				
	Số lượng (n = 81)	%	Số lượng (n = 34)	%			
Nhóm tuổi							
Dưới 60 tuổi	43	81,1	10	18,9	2,72 (1,15 – 6,4)	0,025	
Từ 60 tuổi trở lên	38	61,3	24	38,7			
Giới							
Nữ	49	72,1	19	27,9	1,2 (0,54 – 2,72)	0,681	
Nam	32	68,1	15	31,9			
Nơi cư trú							
Thành thị	61	79,2	16	20,8	3,43 (1,48 – 7,96)	0,005	
Nông thôn	20	52,6	18	47,4			

Nhận xét: Kết quả của bảng cho thấy có mối liên quan giữa kiến thức về chế độ ăn uống với nhóm tuổi, nơi cư trú (p < 0,05). Người bệnh dưới 60 tuổi có kiến thức đúng cao gấp 2,72 lần so với nhóm tuổi từ 60 tuổi trở lên. Người bệnh ở thành thị có kiến thức đúng cao gấp 3,43 lần so với người bệnh ở nông thôn.

Bảng 4. Mối liên quan giữa đặc điểm chung của ĐTNC với thực hành về chế độ ăn uống

Nội dung	Thực hành về chế độ ăn uống					OR (95% CI)	p
	Đạt		Chưa đạt				
	Số lượng (n = 68)	%	Số lượng (n = 47)	%			
Nhóm tuổi							
Dưới 60 tuổi	39	73,6	14	26,4	3,17 (1,44 – 6,97)	0,004	
Từ 60 tuổi trở lên	29	46,8	33	53,2			
Giới							
Nữ	43	63,2	25	36,8	1,51 (0,71 – 3,22)	0,336	
Nam	25	53,2	22	46,8			
Nơi cư trú							
Thành thị	54	70,1	23	29,9	4,03 (1,77 – 9,14)	0,001	
Nông thôn	14	36,8	24	63,2			

Nhận xét: Kết quả của bảng cho thấy có mối liên quan giữa thực hành về chế độ ăn uống với nhóm tuổi, nơi cư trú (p < 0,05). Người bệnh dưới 60 tuổi có thực hành đạt cao gấp 3,17 lần so với nhóm tuổi từ 60 tuổi trở lên. Người bệnh ở thành thị có thực hành đạt cao gấp 4,03 lần so với người bệnh ở nông thôn.

Bảng 5. Mối liên quan giữa kiến thức với thực hành về chế độ ăn uống

Kiến thức	Thực hành					OR (95% CI)	p
	Đạt		Chưa đạt				
	Số lượng (n = 68)	%	Số lượng (n = 47)	%			
Đúng	59	72,8	22	27,2	7,45 (3,01 – 18,43)	0,00	
Chưa đúng	9	26,5	25	73,5			

Nhận xét: Kết quả của bảng cho thấy có mối liên quan giữa kiến thức với thực hành về chế độ ăn uống của người bệnh đái tháo đường (p < 0,05). Người bệnh có kiến thức đúng thì thực hành đạt cao gấp 7,45 lần so với người bệnh có kiến thức chưa đúng.

4. BÀN LUẬN

Rau lá xanh chứa nhiều chất dinh dưỡng và chất chống oxy hóa, giúp bảo vệ mắt và tim mạch luôn được khỏe mạnh. Hơn nữa, rau xanh chứa ít calo và tinh bột đường, giúp hạn chế tăng đường huyết. Kết quả nghiên cứu này của chúng tôi thấp hơn so với kết quả của Vũ Thị Tuyết Mai với tỷ lệ 100% người bệnh biết sử dụng rau xanh trong các bữa ăn [5]. Tỷ lệ người bệnh có kiến thức đúng là không nên ăn nhiều quả ngọt chiếm 79,1%. Kết quả nghiên cứu này cao hơn so với kết quả của tác giả Đoàn Thị Hồng Thúy với tỷ lệ người bệnh trả lời đúng tránh đồ uống có đường (17%) [6]. Sự khác biệt này có thể là do sự khác nhau về văn hóa và tập quán ăn uống của ĐTN. Trong nghiên cứu này của chúng tôi chỉ có 8,7% lựa chọn số lượng bữa ăn/ngày của người bệnh đái tháo đường từ 4 đến 6 bữa. Kết quả này của chúng tôi thấp hơn so với kết quả của Nguyễn Trọng Nhân với tỷ lệ là 33,7% [7]. Theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế thế giới, người bệnh ĐTĐ nên tránh bữa ăn lớn mà chia nhỏ thành nhiều bữa gồm 3 bữa chính, 1 - 3 bữa ăn phụ để giúp người bệnh ổn định đường máu, đường máu không bị tăng quá cao sau bữa ăn và cũng không bị hạ quá thấp khi xa bữa ăn.

Kết quả của biểu đồ 1 cho thấy 70,4% người bệnh có kiến thức đúng về chế độ ăn uống của người bệnh đái tháo đường. Kết quả nghiên cứu này của chúng tôi cao hơn so với kết quả của Hà Thị Huyền, tỷ lệ người bệnh tham gia nghiên cứu có kiến thức đạt về chế độ ăn bệnh lý là 59,4% [8]. Sự khác biệt này có thể do nghiên cứu của Hà Thị Huyền được tiến hành vào năm 2016, trong những năm gần đây công tác tuyên truyền, giáo dục sức khỏe về bệnh đái tháo đường được đẩy mạnh và phong phú về các hình thức truyền thông; do vậy, tỷ lệ người bệnh có kiến thức về chế độ ăn uống cũng tăng lên.

Qua phỏng vấn thấy tỷ lệ người bệnh thực hành đạt về sử dụng rượu bia uống/ngày của theo khuyến cáo của Bộ Y tế chỉ chiếm 6,1%. Kết quả nghiên cứu này của chúng tôi thấp hơn so với kết quả của tác giả Nguyễn Thế Hùng (19,2%) [9]. Điều này có thể giải thích do nghiên cứu của chúng tôi người bệnh ngoài mắc đái tháo đường còn kèm theo một số bệnh lý khác hoặc biến chứng của đái tháo đường điển hình như tăng huyết áp nên đa số người bệnh không sử dụng rượu, bia.

Qua biểu đồ 2 cho thấy tỷ lệ người bệnh thực hành đạt về chế độ ăn uống chiếm 59,1%. Kết quả nghiên cứu này của chúng tôi tương đồng với kết quả của Đoàn Thị Hồng Thúy với tỷ lệ là 58,0% [6]. Điều này cho thấy người bệnh vẫn chưa thực sự hiểu hết được tầm quan trọng của việc tuân thủ chế độ ăn và việc thay đổi hành vi của người bệnh đòi hỏi cần phải có thời gian, thường xuyên hướng dẫn, nhắc nhở để người bệnh nhớ và có thể thích nghi được với chế độ ăn phù hợp.

Kết quả của bảng 3 cho thấy có mối liên quan giữa nhóm tuổi, nơi cư trú và trình độ học vấn của người bệnh với kiến thức về chế độ ăn uống. Sự khác biệt này đều có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$. Kết quả nghiên cứu này cũng khá tương đồng với kết quả của tác giả Bùi Thị Hương có sự liên quan giữa tuổi và kiến thức về chế độ ăn uống, nhóm tuổi dưới 60 tuổi có tỷ lệ kiến thức đúng cao hơn 1,62 lần so với nhóm tuổi trên 60 tuổi ($p < 0,05$) [10].

Có mối liên quan giữa nhóm tuổi, nơi cư trú và trình độ học vấn của người bệnh với thực hành về chế độ ăn uống. Cụ thể người bệnh dưới 60 tuổi thực hành đạt cao gấp 3,17 lần so với người bệnh có độ tuổi từ 60 tuổi trở lên; người bệnh ở thành thị thực hành đạt cao gấp 4,03 lần so với người bệnh ở nông thôn; người bệnh có trình độ học vấn từ trung học phổ thông trở lên thực hành đạt cao gấp 4,19 lần so với người bệnh có trình độ học vấn từ trung học cơ sở trở xuống. Sự khác biệt này đều có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$. Kết quả này cũng khá tương đồng với nghiên cứu của Bùi Thị Hương [10] ($p < 0,05$) có sự liên quan giữa nhóm tuổi với thực hành về chế độ ăn uống.

Kiến thức là một yếu tố đặc biệt quan trọng tác động tỷ lệ thuận với mức độ thực hành đạt về chế độ ăn uống của người bệnh. Kết quả của bảng 5 cho thấy có mối liên quan giữa kiến thức với thực hành về chế độ ăn uống của người bệnh đái tháo đường với $p < 0,05$. Điều này cho thấy khi người bệnh hiểu rõ những kiến thức về chế độ ăn uống cho người bệnh đái tháo đường thì họ sẽ hành động đúng khi thực hiện chế độ ăn uống.

5. KẾT LUẬN

Tỷ lệ người bệnh có kiến thức đúng về chế độ ăn uống của người bệnh đái tháo đường chiếm 70,4%. Tỷ lệ người bệnh thực hành đạt về chế độ ăn uống chiếm 59,1%.

Các yếu tố tuổi, nơi cư trú, trình độ học vấn có liên quan đến kiến thức và thực hành của người bệnh đái tháo đường type 2 về chế độ ăn uống ($p < 0,05$). Kiến thức về chế độ ăn uống có mối liên quan với thực hành về chế độ ăn uống của người bệnh đái tháo đường type 2 ($p < 0,05$).

Nghiên cứu đưa ra khuyến nghị bệnh viện cần tăng cường công tác tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh đái tháo đường type 2 về kiến thức và đặc biệt về thực hành chế độ ăn uống nhằm kiểm soát đường huyết như cách thay thế thực phẩm, kiểm soát khẩu phần ăn, hỗ trợ người bệnh tham gia các câu lạc bộ người bệnh đái tháo đường. Khuyến khích người bệnh duy trì thói quen ăn uống khoa học, ghi nhật ký ăn uống thường xuyên kiểm tra đường huyết và kiểm tra sức khỏe định kỳ 6 tháng/lần, theo dõi huyết áp thường xuyên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] International Diabetes Federation (2021), IDF Diabetes Atlas 10th ed, Edition. [online] Available at: <https://diabetesatlas.org/atlas/tenth-edition> [Accessed 10 November 2021].
- [2] International Diabetes Federation (2019), IDF Diabetes Atlas, 9th ed, Brussels. [online] Available at: <https://diabetesatlas.org/atlas/ninth-edition> [Accessed 5 November 2021]
- [3] Bùi Chí Anh Minh (2022), Thực trạng kiến thức về chế độ dinh dưỡng của người bệnh đái tháo đường type 2 điều trị ngoại trú tại trung tâm huyện Lạng Giang, Bắc Giang, Tạp chí Y học Việt Nam, 539(6), tr. 158 – 162.
- [4] Lê Thị Phương và cộng sự (2023), Kiến thức và thực hành dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan của người bệnh đái tháo đường type 2 tại bệnh viện Đại học Y Hà Nội năm 2023, Tạp chí nghiên cứu Y học, 171 (10), tr. 53 – 68.
- [5] Vũ Thị Tuyết Mai (2014), Kiến thức, thái độ và thực hành về chế độ ăn của bệnh nhân Đái tháo đường type 2, Tạp chí Y học TP. Hồ Chí Minh, 18(5), tr 18- 20.
- [6] Đoàn Thị Hồng Thúy (2019), Thay đổi kiến thức và thực hành tuân thủ điều trị của người bệnh đái tháo đường type 2 ngoại trú tại bệnh viện nội tiết tỉnh Sơn La năm 2019, Luận văn thạc sĩ Điều dưỡng, Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.
- [7] Nguyễn Trọng Nhân (2019), Thay đổi kiến thức và thực hành về chế độ ăn uống của người bệnh đái tháo đường type 2 ngoại trú tại Bệnh viện Nội tiết Bắc Giang năm 2019 sau giáo dục sức khỏe, Luận văn thạc sĩ Điều dưỡng, Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.
- [8] Hà Thị Huyền (2016), Kiến thức, thái độ, hành vi và nhu cầu chăm sóc y tế của bệnh nhân đái tháo đường type 2 đang điều trị tại phòng khám nội tổng hợp, Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum tháng 7 năm 2016, Luận văn thạc sĩ Điều dưỡng, Trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
- [9] Nguyễn Thế Hùng (2019), Tuân thủ điều trị ở người bệnh đái tháo đường type 2 điều trị ngoại trú tại trung tâm y tế huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình năm 2019 và một số yếu tố liên quan, Luận văn thạc sĩ Y tế Công cộng, Trường Đại học Y tế Công cộng.
- [10] Bùi Thị Hương (2017), Tuân thủ chế độ dinh dưỡng và một số yếu tố ảnh hưởng đến tuân thủ của bệnh nhân đái tháo đường type 2 ngoại trú tại khoa nội tiết bệnh viện nhân dân 115 thành phố Hồ Chí Minh năm 2017, Luận văn thạc sĩ Y tế Công cộng, Trường Đại học Y tế công cộng.